

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Văn Chế

2. Bà Trần Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Nghĩa - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Quỳnh N; CCCD:002302001395; địa chỉ: SN 283, Đ Lý Thường K, tổ 03, phường H, thành phố H, tỉnh H (cũ); nơi cư trú: Thôn Bản T, xã Ngọc Đ, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

- Bị đơn: Anh Võ Mạnh T; CCCD: 002096003413; địa chỉ: SN 283, Đ Lý Thường K, tổ 03, phường H, thành phố H, tỉnh H; địa chỉ mới: SN 283 Lý Thường K, tổ dân phố 03 H, phường H 2, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2025; bản tự khai ngày 18/5/2025; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Quỳnh N, trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn ngày 27/9/2020, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh H (Cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi, thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi uống rượu say về anh T có hành vi đánh chửi chị, thường xuyên gây khó khăn trong công việc và cuộc sống của chị. Mặc dù, chị đã khuyên bảo, góp ý Nều lần để gia đình sống bình thường Nng anh T không chịu thay đổi. Từ tháng 02 năm 2025 đến nay, chị và anh T đã ly thân. Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh T. Vì vậy, chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Võ Yên N, sinh ngày 15/3/2021. Ly hôn chị đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai ngày 16/6/2025; trong quá trình tố tụng anh Võ Mạnh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn N chị N trình bày. Anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân anh chưa quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu không kiềm chế được hành vi nên có vài lần anh đã đánh chị N. Sau đó chị N ra ngoài ở cho đến nay anh chị đang sống ly thân. Anh nhận thấy nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh, anh mong chị N tha lỗi để hai vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị N có một con chung là cháu Võ Yên N, sinh ngày 15/3/2021. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự Nng các đương sự không thống nhất thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại nơi anh chị sinh sống, kết quả: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn tổ nhân dân không nắm được. Hiện nay, chị N và anh T đã ly thân. Nay chị N có đơn đề nghị giải quyết ly hôn tổ nhân dân đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xác minh đối với ông Võ Anh Tuấn, bà Nguyễn Thị Huệ là (bố, mẹ đẻ của anh T) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chị N chung sống tại nhà ông Tuấn một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ông

bà không nắm được. Sau đó chị N không ở cùng anh T vợ chồng sống đã ly thân. Hai anh chị có 01 con chung là cháu Võ Yên N, cháu N đang ở cùng anh T và ông bà. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, ý kiến của ông Tuấn, bà Huệ mong muốn chị N, anh T trở về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nng vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Điều 48; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Quỳnh N về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Quỳnh N được ly hôn với anh Võ Mạnh T.

3. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Quỳnh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Yên N, sinh ngày 15/3/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Võ Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con và cùng có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Hoàng Quỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Mạnh T; địa chỉ: SN 283, Đ Lý Thường K, tổ 03, phường H, thành phố H, tỉnh H.; địa chỉ mới: SN 283 Lý Thường K, tổ dân phố 03 H, phường H 2, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và điều 5,6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Hoàng Quỳnh N khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Mạnh T và tranh chấp nuôi con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên toà anh Võ Mạnh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4]. Về nội dung: Chị Hoàng Quỳnh N và anh Võ Mạnh T kết hôn ngày 27/9/2020, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh H (Cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân gia đình 2014 quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

[5]. Lý do chị N xin ly hôn: Do anh T mãi chơi, thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi uống rượu say về anh T có hành vi đánh, chửi, thường xuyên gây khó khăn trong công việc, cuộc sống của chị N.

[6]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp, bởi lẽ: Quá trình chung sống chị N và anh T đã xảy ra Nều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T mãi chơi, thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có hành vi đánh chửi chị N, thường xuyên gây khó khăn trong công việc, cuộc sống của chị N. Chị N đã Nều lần nhắc nhở Nng anh T không thay đổi, tình trạng mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, hiện nay chị N không còn tình cảm với anh T, hai anh chị đã sống ly thân. Theo Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”, Nng quan hệ hôn nhân của hai anh chị không đáp ứng được theo quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng.

[7]. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn N chị N trình bày do bản thân anh chưa quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu không kiềm chế được bản thân nên có đôi lần anh đã đánh chị N. Sau đó chị N ra ngoài ở cho đến nay anh chị đang sống ly hôn. Bản thân anh nhận thấy nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh, anh mong chị N tha lỗi để hai vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, anh không đồng ý ly hôn theo yêu

cầu chị N. Toà án tiến hành mở phiên hoà giải để hai bên đương sự có điều kiện tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng quay về đoàn tụ. Nng chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh T.

[8]. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại nơi cư trú, kết quả xác định được: Tổ nhân dân xác nhận chưa phải hòa giải về mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T. Hiện nay, chị N đã đi ở nơi khác, không chung sống cùng nhà với anh T.

[9]. Căn cứ biên bản làm việc ngày 24/7/2025 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của chị N và anh T cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được.

[10]. Căn cứ vào nhận định tại các mục [4], [5], [6], [7], [8], [9], xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

[11]. Về con chung: Chị N và anh T cùng thống nhất xác nhận anh, chị có 01 con chung là cháu Võ Yến N, sinh ngày 15/3/2021. Ly hôn chị N và anh T cùng đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N. Xét điều kiện kinh tế, nuôi dưỡng con của anh T, chị N là tương đương nhau. Tuy Nên, cháu N còn nhỏ, là con gái nên cần được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ Nều hơn. Mặt khác do chị N làm nghề Spa, công việc ổn định không phải đi xa nên có điều kiện chăm sóc con tốt hơn. Căn cứ biên bản làm việc ngày 24/7/2025 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em, xét quyền lợi về mọi mặt của cháu N và đề nghị của chị N về việc xin nuôi con là phù hợp với điều kiện thực tế.

[12]. Căn cứ điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc nuôi con chung, giao cháu Võ Yến N, sinh ngày 15/3/2021 cho chị Hoàng Quỳnh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[13]. Về việc anh T đề nghị được nuôi con, Tòa án án đã yêu cầu anh T cung cấp tài liệu chứng minh điều kiện về chỗ ở, kinh tế, môi trường, thời gian chăm sóc con chung, Nng hết thời hạn quy định anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Do công việc của anh T là thợ cơ khí làm theo công trình, thường xuyên phải xa nhà. Nên điều kiện chăm sóc con không tốt bằng chị N. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh T về việc nuôi con chung.

[14]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[15]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[16]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[17]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 BLTTDS; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của HĐTP TANDTC; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Quỳnh N, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Quỳnh N được ly hôn với anh Võ Mạnh T.

3. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Quỳnh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Yến N, sinh ngày 15/3/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Võ Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hoàng Quỳnh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (Cũ), biên lai số 0000645 ngày 05 tháng 5 năm 2025.

6 Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4-T;
- Các đương sự;
- THADS T.Tuyên Quang;
- UBND P.H 2,T.Tuyên Quang;
- Lưu HS VA- BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh Bình